

## TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI Tháng 5 và 5 tháng năm 2014

### I. CÔNG NGHIỆP

Ước tính chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 5 tăng 3,8% so tháng trước. Những ngành có mức tăng so tháng trước: hóa chất (+19,1%); in (+16,7%); thuốc lá (+15,7%); sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (+14,0%); thiết bị điện (+13,4%); đồ uống (+11,1%); thực phẩm chế biến (+10,7%) trong đó: chế biến thịt (+2,1%), thủy sản (+25,1%), sữa (+4,8%); da giày (+10,1%); trang phục (+8,7%); kim loại (+5,5%); giấy (+5,1%)... Đặc biệt ngành sản xuất xe ô tô sau nhiều tháng liền có mức tăng trưởng âm, tháng này đã khôi phục và tăng trưởng trở lại, tăng (+3,8%) so tháng trước. Một số ngành giảm so tháng trước: sản xuất máy móc thiết bị (-18,3%); giường, tủ, bàn, ghế (-14,7%); điện tử (-4,1%); phương tiện vận tải khác (-4,1%); điện (-3,7%); dệt (-1,9%) và thuốc (-1,5%).

So với tháng 5/2013, chỉ số sản xuất công nghiệp ước tăng 1,8%.

**Chỉ số công nghiệp 5 tháng đầu năm** ước tăng 5,3% so với cùng kỳ. Trong đó: công nghiệp khai khoáng không đổi; công nghiệp chế biến tăng 5,3%; sản xuất phân phối điện tăng 4,9%; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 7,1%. Tình hình sản xuất ở một số ngành có tỷ trọng cao như sau:

#### Chỉ số phát triển công nghiệp một số ngành chủ yếu

	Đơn vị tính: %	
	Tháng 5 so với tháng 4	5 tháng so với cùng kỳ năm 2013
<b>Tổng số</b>	<b>103,8</b>	<b>105,3</b>
<b>Chia theo ngành cấp 1</b>		
1. Công nghiệp khai thác mỏ	105,7	100,0
2. Công nghiệp chế biến	103,9	105,3
3. SX và phân phối điện	96,3	104,9
4. Cung cấp nước và xử lý rác thải	104,0	107,1
<b>Một số ngành chủ yếu</b>		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	110,7	100,9
2. Sản xuất đồ uống	111,1	102,2
3. Sản xuất trang phục	108,7	113,2
4. Sản xuất da và SP liên quan	110,1	107,8
5. SX hóa chất và SP hóa chất	119,1	94,8
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	103,6	106,0
7. SP. từ khoáng phi kim loại	100,4	103,1
8. Sản xuất SP điện tử	95,9	99,6
9. Sản xuất thiết bị điện	113,4	116,4
10. Sản xuất xe có động cơ	103,8	179,1

Có 19/26 ngành (ngành cấp 2) tăng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó những ngành có tỷ trọng tăng khá như: xe ô tô, phương tiện vận tải khác, giường tủ bàn ghế, thiết bị điện, sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, trang phục, in, giấy, da giày, sản phẩm từ cao su và plastic, thuốc tăng cao hơn mức tăng chung toàn ngành. Một số ngành giảm gồm: kim loại (-34,6%); máy móc, thiết bị (-22,1%); thuốc lá (-15,9%); hóa chất (-5,2%); công nghiệp chế biến, chế tạo khác (-2,1%); điện tử (-0,4%).

Chi tiết kết quả sản xuất 5 tháng đầu năm một số ngành như sau: xe ô tô (+89,8%); xe đạp (+78,6%); phụ tùng (+52,1%); thực phẩm (+48,7%); mô tô, xe máy (+37,4%); dây cáp, dây điện (+26,8%); giường, tủ, bàn, ghế (+18,0%); bê tông (+17,2%); thủy sản (+13,3%); trang phục (+13,2%); in (+12,0%); giày dép (+9,7%); vật liệu xây dựng từ đất sét (+9,1%); sơn (+5,8%); thuốc (+5,7%); xà phòng (+3,9%); bia (+2,2%)... Những sản phẩm giảm: thiết bị truyền thông (-34,9%); sắt, thép, gang (-34,6%); phân bón (-23,1%); thuốc lá (-15,9%); valy, túi xách (-11,9%); hóa chất (-3,8%)...

Kết quả sản xuất 4 ngành công nghiệp trọng điểm: ước tháng 5 tăng 4,6% so tháng 4; tăng 2,6% so với tháng cùng kỳ; cộng dồn 5 tháng tăng 4,9% so với cùng kỳ, thấp hơn mức tăng chung toàn ngành, bao gồm: ngành chế biến lương thực thực phẩm tăng 1,6%; hóa dược cao su tăng 3,1%; điện tử giảm 0,7%; cơ khí chế tạo tăng 19,0%.

Chỉ số tồn kho toàn ngành tại thời điểm 01/5 giảm 2,4% so thời điểm 01/04. Những ngành có mức tồn kho giảm như: kim loại (-70,9%); phương tiện vận tải khác (-70,1%); thuốc lá (-21,0%); thực phẩm (-15,8%); đồ uống (-15,7%); giường, tủ, bàn, ghế (-13,0%); hóa chất (-11,3%); giấy (-9,4%); in (-7,5%); điện tử (-5,3%); ... Một số ngành có mức tồn kho tăng so tháng trước: ô tô (+133,7%); thuốc (+18,9%); trang phục (+12,9%); máy móc, thiết bị (+9,1%); thiết bị điện (+3,0%)...

## II. NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

### 1. Trồng trọt

Diện tích gieo trồng lúa vụ đông xuân ước đạt 5.330 ha (huyện Củ Chi chiếm 71%, Hóc Môn 15%), giảm 12,1% so với cùng kỳ; năng suất lúa 47,4 tạ/ha, giảm 1,1%. Lúa vụ hè thu đã xuống giống 1.771 ha, tăng 58,4% so với cùng kỳ.

Tiến độ gieo trồng các loại cây khác đến ngày 15/5 đa số tăng so với cùng kỳ năm trước; trong đó, mía 2.200 ha, tăng 2,7%; rau các loại 7.582 ha, tăng 7,5%; cỏ thức ăn gia súc 4.000 ha, tương đương cùng kỳ;...

### 2. Chăn nuôi: Theo kết quả điều tra chăn nuôi thời điểm 1/4/2014

Gia súc: đàn trâu 5.360 con, tăng 9,3%; đàn bò 124,7 ngàn con, tăng 16,3% so với thời điểm 1/4/2013, trong đó bò sữa chiếm 79,5%, tăng 16,8%. Đàn heo 294,9 ngàn con, giảm 1,6%.

Đàn gia cầm ước đạt 410,8 ngàn con, tăng 68,2%; trong đó đàn gà 378,3 ngàn con, tăng 57,3%.

### 3. Thủy sản

Sản lượng thủy sản tháng 5 ước đạt 3.953,9 tấn, giảm 10,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, sản lượng nuôi trồng 1.548,6 tấn, giảm 26%; khai thác 2.405,3 tấn, tăng 2,7% so với cùng kỳ.

Tổng sản lượng thủy sản 5 tháng đầu năm ước đạt 19.255,1 tấn, giảm 0,5% so với cùng kỳ. Trong đó, nuôi trồng giảm 11,8% do giảm hộ nuôi; khai thác tăng 12,3%.

**Tình hình thả nuôi tôm:** tính đến ngày 4/5, đã có 357 lượt hộ thả nuôi tôm sú giống với 57,2 triệu con giống trên diện tích 2.888,6 ha. Tôm thẻ chân trắng: 983 lượt hộ thả nuôi với 395,4 triệu con giống trên diện tích 779,4 ha.

**Dịch bệnh trên tôm:** Tính từ đầu vụ đến nay, đã có 152 hộ nuôi có tôm bị bệnh trên diện tích 105,5 ha, làm thiệt hại 56,9 triệu con giống. Trong đó có 89 hộ với 63,2 ha được xử lý bằng nguồn thuốc của Quỹ phòng ngừa dịch bệnh, số còn lại hộ tự xử lý.

### III. VỐN ĐẦU TƯ

#### 1. Đầu tư xây dựng

**Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn 5 tháng** ước thực hiện 36.751 tỷ đồng, tăng 2,3% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ tăng 3,6%).

Trong đó : Vốn từ ngân sách thành phố là 5.419,8 tỷ đồng, tăng 0,5% so với cùng kỳ. Cấp thành phố ước thực hiện 3.112,8 tỷ đồng, chiếm 57,4%; cấp quận huyện ước thực hiện 2.307 tỷ đồng, chiếm 42,6%.

#### Vốn đầu tư từ ngân sách địa phương

	Thực hiện 5 tháng (tỷ đồng)	So với cùng kỳ 2013 (%)
<b>Tổng vốn đầu tư</b>	<b>5.419,8</b>	<b>100,5</b>
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	352,8	90,8
<b>Cấp thành phố</b>	<b>3.112,8</b>	<b>109,9</b>
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	269,6	153,1
<b>Cấp quận huyện</b>	<b>2.307,0</b>	<b>90,1</b>
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	83,2	39,2

Tháng 5 khối lượng thực hiện khá hơn so với những tháng trước, cụ thể: so với tháng 4 tăng 25,6%; so với tháng 5 cùng kỳ tăng 7,9%. Như vậy qua tháng 5 vốn đầu tư từ nguồn ngân sách đã bắt đầu tăng (tình hình 2 tháng trước: 4 tháng giảm 7,7% và 3 tháng giảm 14,7% so cùng kỳ).

#### Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm

- Dự án đường cao tốc TP. HCM – ngã ba Dầu Giây, hiện còn vướng chủ yếu ở phía gói thầu số 9 (nút giao thông vành đai 2).

- Dự án đường vành đai Tân Sơn Nhất – Bình Lợi: hiện còn vướng khu nhà A74 tại phường Linh Tây và 2 căn hộ cuối tuyến thuộc phường Linh Trung.

- Dự án tuyến đường sắt Bến Thành – Suối Tiên: đang thi công nền móng và hạ tầng đoạn từ quận 2 đến Trạm 2, quận 9.

## 2. Tình hình cấp phép xây dựng nhà ở hộ dân cư

Tính đến cuối tháng 4, toàn thành phố đã cấp 14.482 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 2.637,5 ngàn m<sup>2</sup>. Trong đó cấp cho xây dựng mới 14.205 giấy phép, với diện tích 2.605,4 ngàn m<sup>2</sup> và 277 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 32,1 ngàn m<sup>2</sup>.

So với cùng kỳ tăng 24,0% về giấy phép (+ 2.805) và tăng 19,8% về diện tích (+ 436,6 ngàn m<sup>2</sup>).

## 3. Tình hình cấp phép đầu tư nước ngoài

Từ đầu năm đến ngày 15/5, đã có 120 dự án có vốn nước ngoài được cấp chứng nhận đầu tư trên địa bàn thành phố với vốn đăng ký đạt 724,1 triệu USD (vốn điều lệ 498,1 triệu USD).

**Chia theo hình thức đầu tư:** 100% vốn nước ngoài 90 dự án, vốn đầu tư đạt 269,6 triệu USD; liên doanh 30 dự án, vốn đầu tư 454,5 triệu USD.

**Chia theo ngành nghề hoạt động:** công nghiệp 20 dự án, vốn đầu tư 231,9 triệu USD (chiếm 32%); thương nghiệp 24 dự án, vốn đầu tư 31,2 triệu USD (chiếm 4,3%); hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ 26 dự án, vốn đầu tư 144,6 triệu USD (chiếm 20%); hoạt động kinh doanh bất động sản 3 dự án, vốn đầu tư 302,3 triệu USD (chiếm 41,7%); thông tin truyền thông 29 dự án, vốn đầu tư 5,9 triệu USD;...

**Chia theo đối tác đầu tư:** British Virgin Island 5 dự án, vốn đầu tư 346,1 triệu USD (chiếm 47,8%); Singapore 16 dự án, vốn đầu tư 217,9 triệu USD (chiếm 30,1%); Samoa 1 dự án, vốn đầu tư 50 triệu USD (chiếm 6,9%); Hàn Quốc 14 dự án, vốn đầu tư 16,3 triệu USD; Nhật Bản 28 dự án, vốn đầu tư 51,8 triệu USD; Hà Lan 1 dự án, vốn đầu tư 10 triệu USD; Hồng Kông 10 dự án, vốn đầu tư 8,8 triệu USD;...

Điều chỉnh tăng vốn đầu tư 40 dự án, vốn đầu tư 68,9 triệu USD. **Tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới và điều chỉnh đến ngày 15/5 đạt 793 triệu USD** (cùng kỳ năm trước đạt 362,1 triệu USD). Giải thể, chuyển đi tỉnh thành khác và rút phép trước thời hạn 12 dự án, vốn đầu tư 69,5 triệu USD.

## 4. Doanh nghiệp thành lập mới và ngừng hoạt động

### a. Cấp phép thành lập doanh nghiệp (khu vực không có vốn nước ngoài)

Tính từ đầu năm đến 15/5 đã có 9.269 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, giảm 0,8% so cùng kỳ; trong đó có 391 doanh nghiệp tư nhân; 984 công ty cổ phần; 7.894 công ty TNHH. Trong đó khu vực nông lâm thủy sản 66 doanh nghiệp; khu vực công nghiệp xây dựng 2.210 doanh nghiệp và khu vực thương mại dịch vụ 6.993 (chiếm 75,4%)

Tổng vốn đăng ký đạt 51.094 tỷ đồng tăng 23,6% so cùng kỳ, trong đó khu vực nông lâm thủy chiếm 3,3%; khu vực công nghiệp xây dựng chiếm 26,1%; khu vực thương mại dịch vụ chiếm 70,6%.

### **b. Doanh nghiệp ngừng hoạt động**

Trong 4 tháng đầu năm có 8.156 doanh nghiệp ngừng nghỉ hoạt động, bằng 75,6% so số doanh nghiệp tăng trong kỳ (bao gồm doanh nghiệp được cấp mới mã số thuế là 8.561 và doanh nghiệp tái hoạt động là 2.220). Số doanh nghiệp ngừng nghỉ tăng 27,8% so 4 tháng đầu năm 2013. Trong đó có 68 doanh nghiệp thuộc khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, 6.389 công ty TNHH, 1.110 công ty cổ phần và 561 doanh nghiệp tư nhân.

## **IV. NỘI THƯƠNG VÀ GIÁ TIÊU DÙNG**

### **1. Nội thương**

Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ trên địa bàn thành phố trong tháng 5 ước đạt 52.739,7 tỷ đồng, tăng 2,1% so với tháng trước, tăng 12,7% so với cùng kỳ.

Ước tính 5 tháng đầu năm, tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ đạt 257.126,2 tỷ đồng, tăng 12,1% so với cùng kỳ. Nếu loại trừ yếu tố giá, lượng hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tăng 7,2%.

*Chia theo thành phần kinh tế:*

- Kinh tế nhà nước 38.559,2 tỷ đồng, chiếm 15%, tăng 15,5%.
- Kinh tế ngoài nhà nước 206.178,5 tỷ đồng, chiếm 80,2%, tăng 11,5%;
- Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 12.388,5 tỷ đồng, chiếm 4,8%, tăng 12,1%.

*Chia theo ngành kinh tế:*

- Thương nghiệp 189.578 tỷ đồng, chiếm 73,7%, tăng 12,1%.(không tính cơ sở sản xuất bán lẻ).
- Khách sạn, nhà hàng 29.306,5 tỷ đồng, chiếm 11,4%, tăng 12,9%.
- Dịch vụ 17.189 tỷ đồng, chiếm 6,7%, tăng 13,7%.
- Lữ hành 7.884,1 tỷ đồng, chiếm 3,1%, tăng 18,6%.

**Doanh thu du lịch** (gồm khách sạn và dịch vụ lữ hành) 5 tháng đầu năm ước đạt 10.741 tỷ đồng, chiếm 4,2% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ, tăng 14,8% so cùng kỳ. Trong đó dịch vụ lưu trú tăng 5,5%, dịch vụ lữ hành tăng 18,6%.

### **2. Chỉ số giá**

Sau 2 tháng liên tiếp giảm, **giá tiêu dùng tháng 5 tăng 0,36% so với tháng trước** với tác động chính là sự tăng giá hàng thực phẩm (+1,41%) và sự tăng trở lại của giá lương thực (+0,03%), có 7/11 nhóm hàng tăng giá so tháng trước là hàng ăn và dịch vụ ăn (+0,71%); đồ uống và thuốc lá (+0,02%); thiết bị đồ dùng gia đình (+0,14%); nhà ở điện nước chất đốt và vật liệu xây dựng (+0,38%); giao thông (+0,19%); văn hóa giải trí du lịch (+0,15%); hàng hóa và dịch vụ khác (+0,03%); 2 nhóm giảm là thuốc và dịch

vụ y tế (-0,01%) và bưu chính viễn thông (-0,06%); còn lại nhóm may mặc và giáo dục không có biến động.

Một số tình hình cụ thể về biến động giá của các mặt hàng trong tháng như sau:

+ Giá lương thực đổi xu hướng quay đầu tăng với mức tăng nhẹ 0,03%, trong khi tháng 4 giảm 0,52% so tháng 3, do cầu xuất khẩu gạo đã bắt đầu tăng (số liệu ước tính xuất khẩu gạo 5 tháng tăng 74%).

+ Giá thực phẩm tăng 1,41% so tháng trước với một số mặt hàng chính tăng giá như sau: thịt heo tăng 2,54%; gia cầm tăng 0,5%; thịt chế biến tăng 0,82%; thủy sản chế biến tăng 1,05%; rau cải các loại tăng 6,71%; trái cây tăng 2,56%; sữa bơ phomat tăng 1,28%; bánh mứt kẹo tăng 0,29%. Các mặt hàng giảm giá có: thịt bò (-1,31%); trứng các loại (-1,09%); thủy sản tươi sống (-0,42%).

+ Ăn uống ngoài gia đình so tháng trước không biến động.

+ Nhà ở điện nước chất đốt VLXD tăng 0,38% chủ yếu do một số mặt hàng vật liệu xây dựng như cát, đá, gạch lát nền tăng nhẹ từ 0,5-3% tùy loại.

+ Giao thông: tăng 0,19%, chủ yếu do ảnh hưởng giá nhiên liệu tăng 0,33% so tháng trước, giá cước tàu hỏa tăng 0,13% do ảnh hưởng đi lại dịp lễ.

+ Văn hóa, giải trí du lịch tăng 0,15% (tháng trước giảm 0,2%), trong đó tour du lịch trọn gói tăng 0,32% (tháng trước giảm 0,29%), hoa cây cảnh tăng 0,4%.

**So với tháng 5/2013**, chỉ số giá hàng hóa tiêu dùng tăng 5,04%; trong đó giáo dục là nhóm hàng tăng cao nhất do ảnh hưởng điều chỉnh mức tăng học phí vào tháng 9/2013.

**So với tháng 12/2013**, chỉ số giá hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng 0,51%. Trong đó 2 nhóm tăng cao nhất là nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn tăng 1,01%; nhóm giao thông tăng 2,19%.

### Chỉ số giá tháng 5

Đơn vị tính: %

	Tháng 5 so với tháng cùng kỳ năm trước		Tháng 5 so với tháng 12 năm trước	
	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014
<b>1. Chỉ số giá tiêu dùng</b>	<b>102,22</b>	<b>105,04</b>	<b>100,66</b>	<b>100,51</b>
Trong đó: Lương thực	97,31	100,77	96,13	99,64
Thực phẩm	102,44	104,72	102,12	101,34
<b>2. Chỉ số giá vàng</b>	<b>98,42</b>	<b>85,22</b>	<b>88,71</b>	<b>99,76</b>
<b>3. Chỉ số giá USD</b>	<b>102,0</b>	<b>99,16</b>	<b>102,10</b>	<b>99,65</b>

Chỉ số giá bình quân 5 tháng đầu năm 2014 tăng 4,65% so với bình quân cùng kỳ năm 2013.

Chỉ số giá vàng tháng 5 giảm 0,61% so tháng 4; giảm 14,78% so tháng 5/2013; giảm 0,24% so tháng 12/2013. Chỉ số giá USD tăng 0,03% so tháng 4/2013; giảm 0,84% so tháng 4/2013 và giảm 0,35% so tháng 12/2013.

## V. XUẤT - NHẬP KHẨU

### 1. Xuất khẩu

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn tháng 5 ước đạt 2.765,5 triệu USD, tăng 10,8% so với tháng trước, tăng 20,6% so tháng cùng kỳ.

Ước tính 5 tháng đầu năm, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 11.696,2 triệu USD, tăng 5,4% so cùng kỳ năm trước (+603,6 triệu USD).

Trong đó:

- Kinh tế nhà nước chiếm 33,9%, tăng 13,1%
- Kinh tế ngoài nhà nước chiếm 30,6%, giảm 2,6%
- Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 35,5%, tăng 6,1%.

**Nếu không tính trị giá dầu thô, trị giá xuất khẩu ước đạt 8.565,1 triệu USD, tăng 5,7% so cùng kỳ.** Trong đó kinh tế trong nước tăng 5,2%, kinh tế có vốn nước ngoài tăng 6,1%.

Nhóm hàng nông sản chiếm 22,9% trong tổng kim ngạch xuất khẩu không kể dầu thô, có mức tăng 31,9%; Hàng thủy sản chiếm 3,5%, tăng 22,3%; Hàng lâm sản chiếm 2,5%, tăng 33,1%; Nhóm hàng công nghiệp chiếm 63,5%, giảm 3,7%. Nhóm hàng hóa khác chiếm 7,6%, tăng 14,5%

Một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng khá so với cùng kỳ:

- Rau quả 197,1 triệu USD, chiếm 2,3%, tăng 59,1%;
- Cà phê 393,3 triệu USD, chiếm 4,6%, tăng 22,6%;
- Hạt tiêu 327,1 triệu USD, chiếm 3,8%, tăng 98,1%,
- Gạo 700,6 triệu USD, chiếm 8,2%, tăng 74,1%;
- Thủy sản 301,9 triệu USD, chiếm 3,5%, tăng 22,3%
- Hàng dệt may 1.875,8 triệu USD, chiếm 21,9%, tăng 7,7%;
- Giày dép 899,5 triệu USD, chiếm 10,5%, tăng 20,6%;
- Máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng 557,6 triệu USD, chiếm 6,5%, tăng 28,5%

Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng giảm so cùng kỳ:

- Cao su 158,7 triệu USD, chiếm 1,9%, giảm 41,1%;
- Máy vi tính và SP điện tử 990,1 triệu USD, chiếm 11,6%, giảm 16,1%.

Riêng dầu thô chiếm 26,8% trong tổng kim ngạch xuất khẩu, tăng 4,9%.

**Mức xuất khẩu của các thành phần kinh tế**  
(Không tính dầu thô)

	Kim ngạch (Triệu USD)		% so sánh	
	Tháng 5/2014	5 tháng 2014	Tháng 5 với tháng 4	5 tháng so với cùng kỳ 2013
<b>Tổng số</b>	<b>1.835,5</b>	<b>8.565,1</b>	<b>99,3</b>	<b>105,7</b>
<b>Kinh tế trong nước</b>	<b>995,0</b>	<b>4.417,5</b>	<b>103,2</b>	<b>105,2</b>
Kinh tế Nhà nước	248,3	839,6	170,3	159,5
Kinh tế Ngoài nhà nước	746,7	3.577,9	91,2	97,4
<b>Kinh tế có vốn nước ngoài</b>	<b>840,5</b>	<b>4.147,6</b>	<b>95,1</b>	<b>106,1</b>

**2. Nhập khẩu**

Kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố tháng 5 ước thực hiện 2.200,4 triệu USD, tăng 2,1% so với tháng trước và tăng 13,5% so tháng 5/2013.

**Ước tính 5 tháng đầu năm, kim ngạch hàng hoá nhập khẩu đạt 9.946,7 triệu USD, giảm 0,9% so với cùng kỳ.**

Kinh tế nhà nước chiếm 8,9%, tăng 26,6%; Kinh tế ngoài nhà nước chiếm 55,3%, giảm 8,2%; kinh tế có vốn nước ngoài chiếm 35,9%, tăng 6,3%.

**Mức nhập khẩu của các thành phần kinh tế**

	Kim ngạch (Triệu USD)		% so sánh	
	Tháng 5	5 tháng	Tháng 5 với tháng 4	5 tháng so với cùng kỳ 2013
<b>Tổng số</b>	<b>2.200,4</b>	<b>9.946,7</b>	<b>102,1</b>	<b>99,1</b>
Kinh tế Nhà nước	191,9	880,9	103,3	126,6
Kinh tế Ngoài nhà nước	1.243,9	5.497,8	103,3	91,8
Kinh tế có vốn nước ngoài	764,6	3.567,9	99,8	106,3

Một số mặt hàng nhập khẩu có mức tăng so cùng kỳ:

- + Nhiên liệu: 320,5 triệu USD, chiếm 3,2%, tăng 69,9%
- + Hóa chất 230,8 triệu USD, chiếm 2,3%, tăng 13,2%.
- + Các SP hóa chất 335,8 triệu USD, chiếm 3,4%, tăng 8,6%.
- + Dược phẩm 426 triệu USD, chiếm 4,3%, tăng 13,8%.
- + Chất dẻo đạt 634,8 triệu USD, chiếm 6,4%, tăng 11%.
- + Vải các loại 915,2 triệu USD, chiếm 9,2%, tăng 17,4%
- + Nguyên phụ liệu dệt, may, da giày 327,3 triệu USD, chiếm 3,3%, tăng 15,7%.
- + Máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng 1.262,5 triệu USD, chiếm 12,7%, tăng 29,1%
- + Sữa và sản phẩm sữa nhập khẩu 228 triệu USD, chiếm 2,3%, tăng 5,5%.



Một số mặt hàng nhập khẩu có mức giảm so cùng kỳ:

+ Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện 1.186,2 triệu USD, chiếm 11,9%, giảm 13,2%

+ Sắt thép đạt 435,4 triệu USD, chiếm 4,4%, giảm 10,5%.

## VI. GIAO THÔNG VẬN TẢI

### 1. Vận tải hàng hóa và hành khách

Tổng doanh thu vận tải hàng hóa và hành khách tháng 5 ước đạt 4.786 tỷ đồng, tăng 4,4% so với tháng trước và tăng 13,9% so với tháng 5/2013.

Ước tính 5 tháng đầu năm đạt 23.823,9 tỷ đồng, tăng 15% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó khu vực nhà nước chiếm 13,2%, tăng 11,8%; ngoài nhà nước chiếm 81,4%, tăng 16,1%, có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 5,4%, tăng 7,9%.

#### Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách 5 tháng 2014

	Doanh thu (tỷ đồng)		% so sánh 5 tháng đầu năm với cùng kỳ 2013	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
<b>Tổng số</b>	<b>16.271,5</b>	<b>7.552,5</b>	<b>114,9</b>	<b>115,3</b>
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	2.592,6	562,4	112,6	108,3
Kinh tế ngoài nhà nước	13.584,6	5.804,5	115,5	117,6
Kinh tế có vốn nước ngoài	94,2	1.185,6	100,5	108,6
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Trong đó : Đường bộ	8.939,4	6.377,8	115,3	116,8
Đường sông	1.549,6	139,3	117,5	124,1
Đường biển	5.752,9		113,8	
Hàng không	29,5	1.035,4	99,1	106,3

#### *\* Vận tải hàng hóa*

Doanh thu 5 tháng đầu năm ước đạt 16.271,5 tỷ đồng, tăng 14,9% so cùng kỳ. Vận tải đường bộ chiếm 54,9%, tăng 15,3%. Vận tải đường biển chiếm 35,4%, tăng 13,8%.

Khối lượng hàng hóa vận chuyển 5 tháng đầu năm ước đạt 56.024 nghìn tấn, tăng 12,5% so cùng kỳ. Hàng hóa luân chuyển ước đạt 22.698 triệu tấn.km, tăng 11,2% so cùng kỳ.

#### *\* Vận tải hành khách*

Doanh thu 5 tháng đầu năm ước đạt 7.552,5 tỷ đồng, tăng 15,3% so cùng kỳ. Vận tải đường bộ chiếm 84,4%, tăng 16,8%. Đường hàng không chiếm 13,7%, tăng 6,3%.

Số lượt hành khách vận chuyển 5 tháng đầu năm ước đạt 333,2 triệu lượt người, tăng 11,3%. Hành khách luân chuyển 6.899,6 triệu lượt người.km, tăng 11,7%.

## 2. Hàng hóa qua cảng

Tổng lượng hàng hóa thông qua cảng sông và cảng biển tháng 5 ước thực hiện 7.182,2 nghìn tấn, tăng 0,4% so tháng trước

5 tháng đầu năm ước đạt 33.143,3 nghìn tấn, tăng 13,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó hàng hoá xuất khẩu 12.649,5 nghìn tấn, chiếm 38,2%, tăng 14,7%; hàng nhập khẩu 14.767,2 nghìn tấn, chiếm 44,6%, tăng 13,8%.

### Hàng hoá thông qua cảng

	Ước thực hiện (nghìn tấn)		% so sánh	
	Tháng 5	5 tháng	Tháng 5 so tháng 4	5 tháng so với cùng kỳ 2013
<b>Tổng số</b>	<b>7.182,2</b>	<b>33.143,3</b>	<b>100,4</b>	<b>113,9</b>
<i>* Phân theo loại cảng</i>				
Cảng biển	6.991,5	32.187,3	101,2	113,2
Cảng sông	190,7	956,1	76,6	145,9
<i>* Phân theo loại hàng bốc xếp</i>				
Hàng xuất khẩu	2.685,7	12.649,5	101,6	114,7
Hàng nhập khẩu	3.153,0	14.767,2	100,2	113,8
Hàng nội địa	1.343,5	5.726,6	98,4	112,6

## VII. TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

### 1. Tài chính:

**Tổng thu ngân sách Nhà nước 5 tháng** ước thực hiện 106.600,9 tỷ đồng, đạt 46,7% dự toán, tăng 15,9% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa 60.892,9 tỷ đồng, đạt 49% dự toán, tăng 19% so cùng kỳ; thu từ dầu thô 13.070,5 tỷ đồng, đạt 47,9% dự toán, giảm 0,4% so cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 31.600 tỷ đồng, đạt 42,2% dự toán, tăng 19,2%.

### Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2014 (Tỷ đồng)		% thực hiện 5 tháng năm 2014 so với	
	Dự toán	Ước TH 5 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2013
<b>Tổng thu</b>	<b>228.340</b>	<b>106.600,9</b>	<b>46,7</b>	<b>115,9</b>
<b>Tổng thu cân đối ngân sách NN</b>	<b>226.300</b>	<b>105.563,4</b>	<b>46,6</b>	<b>116,3</b>
I- Thu nội địa	124.200	60.892,9	49,0	119,0
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	23.950	13.414,8	56,0	127,0
2. Khu vực ngoài nhà nước	29.500	14.093,9	47,8	107,6
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	33.745	16.821,2	49,8	130,2
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	74.800	31.600,0	42,2	119,2
III- Thu từ dầu thô	27.300	13.070,5	47,9	99,6

Thu từ doanh nghiệp nhà nước chiếm 22% tổng thu nội địa, tăng 27% so cùng kỳ. Trong đó: Doanh nghiệp nhà nước trung ương ước thực hiện 8.335,2 tỷ đồng, đạt 58,1% dự toán, tăng 32,6%; Doanh nghiệp nhà nước địa phương 5.079,6 tỷ đồng, đạt

52,9% dự toán, tăng 18,9%. Thu từ khu vực ngoài nhà nước 14.093,9 tỷ đồng, chiếm 23,1%, tăng 7,6% so cùng kỳ. Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài đạt 16.821,2 tỷ đồng, chiếm 27,6%, tăng 30,2%. Thu khác đạt 16.562,9 tỷ đồng, tăng 13,6%; trong đó thuế thu nhập cá nhân 8.804,3 tỷ đồng, giảm 1,2%, Thu tiền sử dụng đất 2.897,7 tỷ đồng, tăng 65,6%.

**Thu ngân sách nhà nước địa phương 5 tháng ước đạt 21.339,4 tỷ đồng, đạt 51,9% dự toán, tăng 21,2% so cùng kỳ năm 2013.**

**Tổng chi ngân sách địa phương** (trừ tạm ứng) 5 tháng ước thực hiện 15.246,3 tỷ đồng, đạt 36,3% dự toán, tăng 7,4% so cùng kỳ.

#### **Chi ngân sách địa phương**

	Năm 2014 (Tỷ đồng)		% thực hiện 5 tháng năm 2014 so với	
	Dự toán	Ước TH 5 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2013
<b>Tổng chi</b> (trừ tạm ứng)	<b>41.979,3</b>	<b>15.246,3</b>	<b>36,3</b>	<b>107,4</b>
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	11.145,9	5.596,2	50,2	115,9
II- Chi thường xuyên	29.500,0	9.572,3	32,4	102,6
Trong đó:				
Sự nghiệp kinh tế	4.080,3	819,2	20,1	67,7
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	8.296,2	2.960,4	35,7	114,3
Sự nghiệp y tế	3.269,7	982,7	30,1	115,0
Quản lý hành chính	4.608,4	1.771,5	38,4	115,5

Chi đầu tư phát triển 5.596,2 tỷ đồng, đạt 50,2% dự toán, tăng 15,9% so cùng kỳ. Chi thường xuyên đạt 9.572,3 tỷ đồng, tăng 2,6% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 819,2 tỷ đồng, giảm 32,3%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 2.960,4 tỷ đồng, tăng 14,3%; chi sự nghiệp y tế 982,7 tỷ đồng, tăng 15%; chi quản lý hành chính 1.771,5 tỷ đồng, tăng 15,5%; chi đảm bảo xã hội tăng 26,4%.

#### **2. Tín dụng ngân hàng:**

- Tổng vốn huy động trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 5 đạt 1.172,7 ngàn tỷ đồng, giảm 0,5% so tháng trước (chỉ số này tháng trước: +1,2%) và tăng 13,8% so với tháng cùng kỳ. Vốn huy động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần chiếm 56,7% tổng vốn huy động, tăng 16,5% so tháng cùng kỳ. Vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 14,6% tổng vốn huy động, tăng 1,5% so tháng cùng kỳ; vốn huy động VNĐ chiếm 85,4% tổng vốn huy động, tăng 16,2% so tháng cùng kỳ. Tiền gửi tiết kiệm chiếm 57,4%, tăng 19,9% so tháng với cùng kỳ.

- Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 5 đạt 960,4 ngàn tỷ đồng, tăng 0,3% so tháng trước, thấp hơn chỉ số của tháng 4 (+1,2%); so với tháng 12/2013 tăng 0,8%; so với tháng cùng kỳ dư nợ tăng 10,0%.

Dư nợ tín dụng của các Ngân hàng Thương mại cổ phần đạt 530,5 ngàn tỷ đồng, chiếm 55,2% tổng dư nợ, tăng 13,4% so tháng cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ đạt 163,8 ngàn tỷ đồng, chiếm 17,1% tổng dư nợ, giảm 5,4% so tháng cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng VNĐ đạt 796,5 ngàn tỷ đồng, chiếm 82,9% tổng dư nợ, tăng 13,8% so tháng cùng kỳ. Dư nợ tín dụng trung, dài hạn chiếm 46,0%, tăng 13,5% so tháng cùng kỳ. Dư nợ tín dụng ngắn hạn chiếm 54,0% tăng 7,1% so tháng cùng kỳ.

### 3. Thị trường chứng khoán

Đến cuối tháng 04/2014, tổng số chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 304 gồm 302 cổ phiếu và 2 chứng chỉ quỹ, không thay đổi so với cuối tháng 03/2014. Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết là 1.017.831,66 tỷ đồng, tăng 20,8% so với cuối năm 2013. Trong tháng 04/2014 có 20 phiên giao dịch, 9 phiên tăng điểm và 11 phiên giảm điểm. Trong tháng này, VN-Index có những chuỗi các phiên liên tiếp tăng điểm và chuỗi các phiên liên tiếp giảm điểm tạo nên đồ thị có nét giống với đồ thị hàm sin. Đến cuối tháng, VN-Index đạt 578,00 điểm, tăng 73,37 điểm (tương ứng tăng 14,5%) so với cuối năm trước và giảm 13,57 điểm (tương ứng giảm 2,3%) so với cuối tháng trước.

Khối lượng giao dịch của tháng 04/2014 đạt 2.148,36 triệu chứng khoán, giảm 39,6% so với tháng 03/2014. Giá trị giao dịch của tháng đạt 40.655,38 tỷ đồng, giảm 34,7% so tháng 03/2014. Trung bình mỗi phiên có 107,42 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị 2.032,77 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch trung bình mỗi phiên giảm 36,6% và giá trị giao dịch giảm 31,4% so với tháng 03/2014.

Trong năm 2014, VN-Index đạt mức thấp nhất vào ngày 02/01 với 504,51 điểm và đạt mức cao nhất vào ngày 24/03 với 607,55 điểm.

#### Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 04/2014	4 tháng năm 2014	Tháng 04 so tháng 03	4 tháng so cùng kỳ
<b>Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)</b>	<b>2.148,36</b>	<b>9.849,85</b>	<b>60,4</b>	<b>199,0</b>
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	2.143,15	9.836,70	60,3	200,9
Trái phiếu	4,90	11,90	153,1	98,4
Chứng chỉ quỹ	0,31	1,25	73,8	3,1
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	1.939,75	9.342,55	56,7	203,7
Giao dịch thỏa thuận	208,61	507,30	151,5	139,5
<b>Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)</b>	<b>40.655,38</b>	<b>172.048,43</b>	<b>65,3</b>	<b>216,4</b>
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	40.198,22	170.999,98	64,9	218,8
Trái phiếu	454,17	1.036,68	176,2	107,5
Chứng chỉ quỹ	2,99	11,77	73,5	3,0
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	33.547,23	152.627,85	59,7	226,3
Giao dịch thỏa thuận	7.108,15	19.420,58	118,2	161,1

Cập nhật đến ngày 15/05/2014, tổng số chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 300 chứng khoán (giảm 4 chứng khoán so với cuối tháng 04/2014). Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết là 924.647,56 tỷ đồng, tăng 9,8% so với cuối năm 2013. VN-Index tại ngày 15/05 đạt 524,05 điểm, tăng 19,42 điểm so với cuối năm 2013 (tương ứng tăng 3,8%).

## VIII. HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA XÃ HỘI

### 1. Trật tự an toàn xã hội (Từ 16/03/2014 đến 15/04/2014)

\* **Vi phạm kinh tế:** Đã phát hiện và xử lý 90 vụ. Trong đó: buôn bán vận chuyển hàng hóa không có hóa đơn chứng từ (13 vụ); kinh doanh hàng hóa trái phép, trốn thuế (13 vụ); mua bán hàng cấm (49 vụ); kinh doanh hàng ngoại nhập lậu (05 vụ); sản xuất, buôn bán hàng giả (08 vụ); lừa đảo chiếm đoạt tài sản (02 vụ). Thu giữ hàng hóa trị giá khoảng 5,8 tỷ đồng.

Phát hiện 35 vụ vi phạm các quy định bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất kinh doanh tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh giết mổ gia súc, chế biến thực phẩm, các công ty, doanh nghiệp thu gom chất thải và các hệ thống xử lý chất thải. Xử lý vi phạm hành chính 31 vụ với số tiền 2,4 tỷ đồng.

\* **Vi phạm hình sự:** Trong tháng đã xảy ra 586 vụ, tăng 20,3% so với cùng kỳ năm trước, làm chết 04 người, bị thương 78 người, thiệt hại tài sản giá trị trên 16,2 tỷ đồng. Các vụ phạm pháp hình sự chủ yếu là: giết người (05 vụ), cướp tài sản (27 vụ), cướp giật (91 vụ), cố ý gây thương tích (62 vụ), trộm cắp tài sản (325 vụ),... Số vụ đã được điều tra khám phá là 360 vụ, bắt 412 người vi phạm.

#### - Hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội:

+ **Ma túy:** Đã phát hiện 128 vụ; trong đó, mua bán - tàng trữ: 105 vụ, sử dụng trái phép các chất ma túy: 23 vụ. Đã khởi tố 101 vụ với 130 người vi phạm, xử lý hành chính 27 vụ với 102 người vi phạm. Lập hồ sơ tập trung 115 người nghiện vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc và 11 người được quản lý, giáo dục tại phường/xã.

+ **Mại dâm và các tệ nạn xã hội khác:** Đã triệt phá 04 vụ tổ chức mua bán dâm lợi dụng kinh doanh nhà trọ, khách sạn để hoạt động, lập hồ sơ xử lý 26 người tổ chức môi giới và gái mại dâm. Kiểm tra, lập biên bản 271 cơ sở dịch vụ giải trí vi phạm quy định.

+ **Cờ bạc, cá độ:** Lập hồ sơ xử lý 40 vụ tổ chức cờ bạc với 206 người tham gia, thu giữ trên 229 triệu đồng và nhiều tài sản khác.

- **Trật tự an toàn giao thông:** Đã lập biên bản và xử phạt 63,5 ngàn trường hợp vi phạm Luật giao thông đường bộ, tạm giữ hơn 7 ngàn xe các loại, tước giấy phép lái xe 8,1 ngàn trường hợp, xử lý hơn 4,9 ngàn trường hợp vi phạm về đội nón bảo hiểm,... thu nộp ngân sách trên 23,5 tỷ đồng.

+ **Tai nạn giao thông đường bộ:** Xảy ra 65 vụ, giảm 16,6% so với cùng kỳ năm trước, làm chết 55 người, bị thương 29 người.

- **Tình hình cháy, nổ:** Đã xảy ra 29 vụ cháy, giảm 30 vụ so với cùng kỳ năm trước, tăng 2 vụ so với tháng trước, làm chết 02 người, không có người bị thương. Thiệt hại tài sản trị giá ước khoảng 68 triệu đồng. (trong đó có 9 vụ chưa ước tính được thiệt hại). Nguyên nhân cháy chủ yếu do sự cố về điện.

Đã xảy ra 01 vụ nổ, không đổi so với cùng kỳ năm trước, không có thiệt hại về người và tài sản.

## **2. Tình hình giải quyết việc làm**

Trong tháng 5, các khu vực kinh tế trên địa bàn thành phố đã thu hút và giải quyết việc làm cho 25,5 ngàn người, giảm 4,8% so với tháng trước. Trong đó, số lao động có việc làm ổn định là 17,5 ngàn người, chiếm 68,5% so với số lao động được giải quyết việc làm. Số chỗ làm mới tạo ra là 8,8 ngàn.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2014, đã có 122,2 ngàn lao động được giải quyết việc làm, đạt 46,1% so với kế hoạch. Trong đó, lao động có việc làm ổn định là 79,5 ngàn người. Số chỗ việc làm mới tạo ra là 49,5 ngàn chỗ làm, đạt 41,3% kế hoạch.

## **3. Thực hiện bảo hiểm thất nghiệp**

Từ ngày 14/4 đến ngày 09/5, trên địa bàn thành phố đã có 10 ngàn người đến Trung tâm giới thiệu việc làm thành phố đăng ký thất nghiệp, số người nộp hồ sơ hưởng bảo hiểm thất nghiệp là 10 ngàn người. Đã có 9,4 ngàn người nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp. Tư vấn và giới thiệu việc làm cho trên 11,3 ngàn người và hỗ trợ học nghề cho 744 người.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội của thành phố Hồ Chí Minh tháng 5 và 5 tháng năm 2014.